

CTCP Sữa Việt Nam (VNM: HOSE)

Ngày báo cáo: 11/11/2025
 Ngành: HÀNG TIÊU DÙNG
 TPPT: Đặng Trần Minh
 Email: minhdt@ssi.com.vn

Khuyến nghị: **TRUNG LẬP**

Giá mục tiêu 1Y: **65.000 VNĐ**

Giá CP ngày 11/11/2025: 58.900 VNĐ

% Tăng giá: **+10,4%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 4.523
 Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 119.127
 Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 2.090
 KLGD TB 3 tháng (triệu cp): 4,9
 Giá cao/thấp nhất 52T (VNĐ): 62,2/48
 GTGD TB 3 tháng (tỷ đồng): 297,4
 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 49
 Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 36,1

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) được thành lập năm 1976 với tư cách là một doanh nghiệp nhà nước. Từ khi niêm yết vào năm 2006, VNM là một trong những cổ phiếu tốt nhất, thúc đẩy chỉ số VN-Index. Vinamilk là nhà sản xuất sữa hàng đầu Việt Nam. Vinamilk cũng xuất khẩu sang 50 quốc gia, như Iraq, Campuchia và Philippines. Những thế mạnh chính của VNM là thương hiệu nổi tiếng, quản trị doanh nghiệp tốt, tích cực nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, mạng lưới phân phối sâu rộng với 200 nhà phân phối độc quyền và 200.000 cửa hàng bán lẻ (tính đến thời điểm cuối năm 2022).

Trở lại đường đua tăng trưởng

VNM ghi nhận KQKD Q3/2025 cao hơn kỳ vọng của chúng tôi, với doanh thu đạt 16,95 nghìn tỷ đồng (+9,1% svck) và lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 2,51 nghìn tỷ đồng (+4,5% svck), đánh dấu quý đầu tiên có lợi nhuận tăng trưởng svck sau 4 quý giảm. Công ty đã hoàn thành 72% kế hoạch doanh thu và 68% kế hoạch lợi nhuận năm. Kết quả tích cực này đến từ hoạt động xuất khẩu tăng mạnh, thị trường nội địa hồi phục và việc quản lý chi phí hiệu quả. Kênh thương mại hiện đại và các cửa hàng bán lẻ của Vinamilk đạt mức tăng trưởng hai chữ số, bù đắp cho sự sụt giảm của kênh bán lẻ truyền thống.

Hoạt động xuất khẩu bứt phá, với doanh thu thị trường quốc tế tăng 32,6% svck (+25,7% nếu loại trừ tác động tỷ giá) đạt 3,46 nghìn tỷ đồng, dẫn đầu là thị trường Campuchia. Tỷ trọng doanh thu từ xuất khẩu đạt 20,4% tổng doanh thu 9T2025, tăng 240 điểm cơ bản svck. Biên lợi nhuận gộp tăng 60 điểm cơ bản svck lên 41,8%, nhờ chi phí đầu vào giảm và cải thiện hiệu quả hoạt động.

Vinamilk ghi nhận khoản lỗ bất thường từ công ty liên kết do trích lập chi phí dự phòng cho khoản đầu tư vào Miraka Holding. Trong khi Q4/2025 được kỳ vọng sẽ hưởng lợi từ giá nguyên liệu ổn định và xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng mạnh, tăng trưởng doanh thu nội địa sẽ phụ thuộc vào sự ổn định trở lại của kênh thương mại truyền thống cũng như sự phục hồi về nhu cầu sau bão lũ.

Chúng tôi giữ nguyên ước tính cho năm 2025 với doanh thu đạt 61 nghìn tỷ đồng (-1% svck) và lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 9,3 nghìn tỷ đồng (-2% svck), trong khi dự báo LNST năm 2026 đạt 9,5 nghìn tỷ đồng (+2,6%). Chúng tôi duy trì khuyến nghị TRUNG LẬP, với giá mục tiêu trong 12 tháng là 65.000 đồng/cổ phiếu (tiềm năng tăng giá 10,4%; tỷ suất cổ tức 7,5%) dựa trên phương pháp định giá kết hợp DCF và P/E mục tiêu 16 lần.

Tóm tắt các chỉ tiêu chính

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	59.956	60.369	61.783	61.227	63.186
Tăng trưởng DTT	-1,6%	0,7%	2,3%	-0,9%	3,2%
Lợi nhuận gộp	23.897	24.545	25.590	25.441	26.441
Biên LN gộp	39,9%	40,7%	41,4%	41,6%	41,8%
Thu nhập tài chính	1.380	1.716	1.586	1.514	1.444
Chi phí tài chính	-618	-503	-428	-352	-369
SG&A	-14.144	-14.774	-15.186	-15.307	-15.733
Thu nhập ròng khác	4	64	6	70	38
Lợi nhuận trước thuế	10.496	10.968	11.600	11.382	11.829
Lợi nhuận ròng	8.578	9.019	9.453	9.276	9.522
Tăng trưởng LN ròng	-19,3%	5,2%	4,8%	-1,9%	2,6%
Biên LN ròng	14,3%	14,9%	15,3%	15,2%	15,1%
EPS (VNĐ)	3.627	3.779	4.000	3.961	4.053

Nguồn: Công ty, SSI dự báo

KQKD Q3/2025

<i>Tỷ đồng</i>	3Q25	3Q24	YoY	2Q25	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							3Q25	3Q24	2Q25	2024
Doanh thu thuần	16.953	15.537	9,1%	16.725	1,4%	72%				
LN gộp	7.087	6.401	10,7%	7.022	0,9%		41,8%	41,2%	42,0%	41,4%
LN hoạt động	3.233	2.667	21,2%	2.864	12,9%		19,1%	17,2%	17,1%	17,0%
EBIT	3.201	3.004	6,5%	3.181	0,6%		18,9%	19,3%	19,0%	19,2%
EBITDA	3.742	3.568	4,9%	3.703	1,0%		22,1%	23,0%	22,1%	22,6%
LNTT	3.126	2.942	6,2%	3.096	1,0%		18,4%	18,9%	18,5%	18,8%
LN ròng	2.511	2.403	4,5%	2.489	0,9%	68%	14,8%	15,5%	14,9%	15,3%
LN ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	2.527	2.404	5,1%	2.475	2,1%		14,9%	15,5%	14,8%	15,2%

Nguồn: VNM, SSI

Doanh thu quý 3 lập đỉnh mới, lợi nhuận quay lại tăng trưởng

VNM ghi nhận doanh thu Q3/2025 đạt 16,95 nghìn tỷ đồng (+9,1% svck) và LNST đạt 2,51 nghìn tỷ đồng (+4,5% svck), đánh dấu quý đầu tiên lợi nhuận phục hồi sau 4 quý suy giảm liên tiếp. Công ty đã hoàn thành 72% kế hoạch doanh thu và 68% kế hoạch lợi nhuận năm, phù hợp với dự báo của chúng tôi. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ hoạt động xuất khẩu tăng tốc và chi phí vận hành ổn định.

Doanh thu nội địa cải thiện nhờ mở rộng kênh phân phối

Mối quan tâm chính của nhà đầu tư nằm ở doanh thu nội địa của VNM, khi thị trường này đã sụt giảm doanh thu 4 quý liên tiếp. Trong quý 3, doanh thu nội địa tăng 4,4% svck lên 13,5 nghìn tỷ đồng (mặc dù chưa tăng so với quý trước), nhờ mở rộng hệ thống cửa hàng Vinamilk, kênh bán hàng trực tuyến cải thiện mạnh và đóng góp từ danh mục sản phẩm mới (SKU mới). Ban lãnh đạo cho biết, doanh số bình quân hàng tháng của các sản phẩm mới trong 9T2025 tăng gấp 8 lần svck, riêng quý 3 tăng tới 12 lần svck. Các dòng sản phẩm mới (sản phẩm cao cấp, sản phẩm bổ sung dưỡng chất) giúp nâng cao nhận diện thương hiệu, trong khi dòng sản phẩm sữa hạt tiếp tục tăng trưởng hai chữ số, chiếm 42% thị phần sữa hạt. Ban lãnh đạo kỳ vọng những sản phẩm mới, hợp xu hướng sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính.

Về kênh phân phối, cửa hàng bán lẻ Vinamilk ghi nhận tăng trưởng hai chữ số bất chấp thị trường bán lẻ còn nhiều biến động, trong khi kênh hiện đại cũng đạt mức tăng trưởng hai chữ số, bù đắp cho kênh truyền thống.

Dự án Vinabeef (liên doanh với Sojitz) đã bắt đầu bán các sản phẩm thịt mát tại nhiều chuỗi bán lẻ hiện đại. Tuy nhiên do nguồn cung từ các trang trại giai đoạn đầu còn hạn chế, doanh số vẫn chưa đóng góp đáng kể.

Cầu tiêu dùng vẫn chịu tác động từ sự thay đổi trong phương pháp tính thuế đối với hộ kinh doanh và ảnh hưởng của nhiều cơn bão trong tháng 9-11. Những tác động tiêu cực vẫn còn có thể tiếp diễn trong quý 4. Tuy nhiên, ban lãnh đạo cho biết doanh số tháng 10/2025 ghi nhận tăng trưởng dương.

Xuất khẩu tiếp tục vượt trội

Thị trường quốc tế tăng trưởng nhanh hơn thị trường nội địa, với mức tăng trưởng bình quân 5 năm khoảng 11% (theo ước tính của chúng tôi). Trong Q3/2025, doanh thu xuất khẩu tăng 32,6% svck (+25,7% sau khi loại trừ tác động tỷ giá) đạt 3,46 nghìn tỷ đồng, nhờ nhu cầu mạnh mẽ tại Campuchia và công ty kỳ vọng điều này sẽ duy trì trong thời gian tới. Doanh thu quốc tế chiếm 20,4% tổng doanh thu 9T2025, tăng 2,4 điểm cơ bản svck.

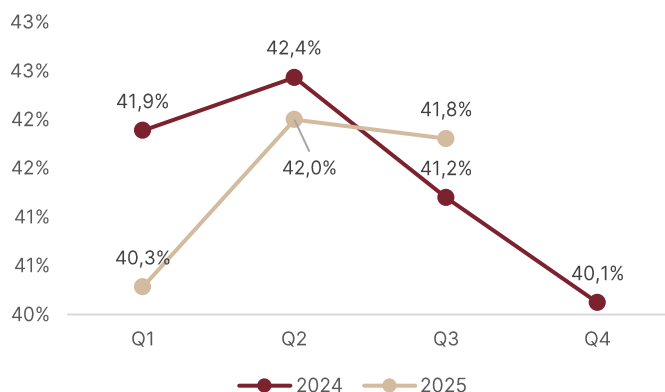
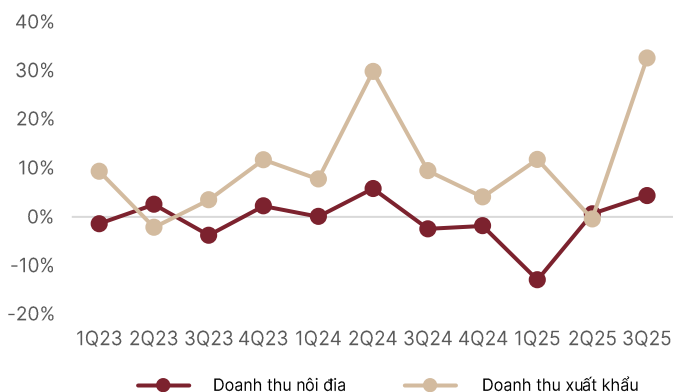
Biên lợi nhuận cải thiện

Biên lợi nhuận gộp tăng 60 điểm cơ bản svck lên 41,8%, nhờ chi phí đầu vào giảm và việc quản lý tốt chi phí vận hành. Tỷ lệ SG&A/doanh thu cải thiện 120 điểm cơ bản so với quý trước. Ban lãnh đạo kỳ vọng biên lợi nhuận sẽ tiếp tục được củng cố trong quý 4, khi giá sữa bột đã ổn định và công ty đã chủ động mua trước toàn bộ nguyên liệu cho Q4/2025 và một phần cho Q1/2026.

Trong quý 3, VNM ghi nhận khoản lỗ bất thường khi công ty trích lập chi phí dự phòng cho khoản đầu tư vào Miraka Holding tại New Zealand. Tuy nhiên, công ty cho biết đang trong quá trình đàm phán để thoái vốn khỏi Miraka.

Tăng trưởng xuất khẩu lập đỉnh, trong khi thị trường nội địa đã quay lại tăng trưởng

Biên lợi nhuận gộp giữ ổn định so với quý trước nhờ giá nguyên liệu đầu vào không biến động đáng kể



Nguồn: VNM, SSI

Triển vọng và Luận điểm đầu tư

Kết quả kinh doanh Q3 của VNM nhìn chung khá tích cực, chúng tôi kỳ vọng đà tăng trưởng này có thể duy trì thêm 1-2 quý nữa nhờ xuất khẩu tăng tốc và độ phủ của kênh bán lẻ hiện đại mở rộng. Tuy nhiên, đà tăng trưởng bền vững vẫn phụ thuộc vào sự phục hồi của kênh thương mại truyền thống và chi phí nguyên liệu hạ nhiệt. Chúng tôi cho rằng nhu cầu trong nước sẽ tiếp tục yếu do ảnh hưởng sau các đợt bão liên tiếp vừa qua. Chúng tôi giữ nguyên ước tính cho cả năm 2025 với doanh thu đạt 61 nghìn tỷ đồng (-1% svck) và LNST đạt 9,3 nghìn tỷ đồng (-2% svck), tương đương 96% kế hoạch năm của công ty. Tuy nhiên, do nền thấp của Q4/2024, LNST Q4/2025 dự kiến sẽ tăng 25% svck. Bước sang năm 2026, chúng tôi dự phóng doanh thu đạt 63 nghìn tỷ đồng (+3% svck) và LNST đạt 9,5 nghìn tỷ đồng (+2,6% svck).

Tại mức giá 57.000 đồng/cp, cổ phiếu VNM đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 14,3x, thấp hơn so với trung bình 2 năm là 14,6x. Chúng tôi duy trì giá mục tiêu 12 tháng là 65.000 đồng/cp, dựa trên phương pháp định giá kết hợp DCF và P/E mục tiêu 2026F là 16x và duy trì khuyến nghị TRUNG LẬP (tương ứng tiềm năng tăng giá là 10,4% và tỷ suất cổ tức 7,5%). Chúng tôi cho rằng NĐT có thể tích lũy cổ phiếu khi giá điều chỉnh hoặc khi xu hướng tăng trưởng tại thị trường nội địa rõ ràng hơn.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	2.912	2.226	936	2.460
+ Đầu tư ngắn hạn	20.137	23.260	23.001	23.131
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	6.530	6.234	6.400	6.490
+ Hàng tồn kho	6.128	5.687	5.872	5.902
+ Tài sản ngắn hạn khác	229	147	188	172
Tổng tài sản ngắn hạn	35.936	37.554	36.398	38.154
+ Các khoản phải thu dài hạn	16	18	17	18
+ GTCL Tài sản cố định	12.690	12.551	12.320	11.966
+ Bất động sản đầu tư	56	54	48	43
+ Tài sản dài hạn dở dang	937	1.540	1.529	1.545
+ Đầu tư dài hạn	831	1.373	1.373	1.373
+ Tài sản dài hạn khác	2.208	1.961	1.849	1.773
Tổng tài sản dài hạn	16.737	17.495	17.136	16.718
Tổng tài sản	52.673	55.049	53.534	54.872
+ Nợ ngắn hạn	17.139	18.460	17.686	18.451
Trong đó: vay ngắn hạn	8.218	9.115	8.611	9.048
+ Nợ dài hạn	509	415	459	447
Trong đó: vay dài hạn	238	158	197	181
Tổng nợ phải trả	17.648	18.875	18.146	18.897
+ Vốn góp	20.900	20.900	20.900	20.900
+ Thặng dư vốn cổ phần	34	34	34	34
+ Lợi nhuận chưa phân phối	3.926	3.471	9.736	10.266
+ Quỹ khác	10.166	11.770	4.718	4.775
Vốn chủ sở hữu	35.026	36.174	35.388	35.975
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	52.673	55.049	53.534	54.872
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	7.887	9.686	10.267	11.044
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-2.989	-3.739	-2.000	-2.000
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-4.293	-6.641	-9.556	-7.521
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	606	-694	-1.290	1.523
Tiền đầu kỳ	2.300	2.912	2.226	936
Tiền cuối kỳ	2.912	2.226	936	2.460
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,10	2,03	2,06	2,07
Hệ số thanh toán nhanh	1,73	1,72	1,72	1,74
Hệ số thanh toán tiền mặt	1,34	1,38	1,35	1,39
Nợ ròng / EBITDA	0,31	0,45	0,53	0,50
Khả năng thanh toán lãi vay	31,97	42,51	33,31	33,04
Ngày phải thu	28,5	28,4	28,6	28,2
Ngày phải trả	41,2	38,7	39,2	38,5
Ngày tồn kho	59,4	59,6	58,9	58,5
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,66	0,66	0,66	0,66
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,34	0,34	0,34	0,34
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,50	0,52	0,51	0,53
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,24	0,26	0,25	0,26
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,25	0,24	0,25

Nguồn: VNM, SSI dự báo

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	60.369	61.783	61.227	63.186
Giá vốn hàng bán	-35.824	-36.192	-35.786	-36.745
Lợi nhuận gộp	24.545	25.590	25.441	26.441
Doanh thu hoạt động tài chính	1.716	1.586	1.514	1.444
Chi phí tài chính	-503	-428	-352	-369
Thu nhập từ các công ty liên kết	-81	32	16	8
Chi phí bán hàng	-13.018	-13.358	-13.470	-13.901
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-1.756	-1.828	-1.837	-1.832
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.904	11.594	11.312	11.791
Thu nhập khác	64	6	70	38
Lợi nhuận trước thuế	10.968	11.600	11.382	11.829
Lợi nhuận ròng	9.019	9.453	9.276	9.522
Lợi nhuận chia cho cổ đông	8.874	9.392	9.249	9.465
Lợi ích của cổ đông thiểu số	146	61	28	57
EPS cơ bản (VND)	3.779	4.000	3.961	4.053
Giá trị sổ sách (VND)	15.166	15.445	15.055	15.309
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	3.850	3.850	4.350	3.800
EBIT	11.322	11.879	11.734	12.198
EBITDA	13.377	13.974	13.970	14.557
Tăng trưởng				
Doanh thu	0,7%	2,3%	-0,9%	3,2%
EBITDA	4,9%	4,5%	0,0%	4,2%
EBIT	6,2%	4,9%	-1,2%	4,0%
Lợi nhuận ròng	5,2%	4,8%	-1,9%	2,6%
Vốn chủ sở hữu	6,7%	3,3%	-2,2%	1,7%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	8,6%	4,5%	-2,8%	2,5%
Định giá				
P/E	17,9	16,9	14,6	14,3
P/B	4,5	4,4	3,8	3,8
Giá/Doanh thu	2,3	2,3	2,0	1,9
Tỷ suất cổ tức	5,7%	5,7%	7,5%	6,6%
EV/EBITDA	9,5	8,9	7,6	7,3
EV/Doanh thu	2,1	2,0	1,7	1,7
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	40,7%	41,4%	41,6%	41,8%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	16,1%	17,0%	16,6%	17,0%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	14,9%	15,3%	15,2%	15,1%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	21,6%	21,6%	22,0%	22,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,9%	3,0%	3,0%	2,9%
ROE	26,6%	26,6%	25,9%	26,7%
ROA	17,8%	17,6%	17,1%	17,6%
ROIC	22,9%	21,8%	21,3%	22,0%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Hàng tiêu dùng

Đặng Trần Minh

Chuyên viên Phân tích

minhdt1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321